

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT GTECH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT GTECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GTECH INSTRUMENTS AND TECHNICAL SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GTECHITS

2. Mã số doanh nghiệp: 0110192110

3. Ngày thành lập: 25/11/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 28 ngõ 145 phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985175910

Fax:

Email: vt.trong88@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Dịch vụ môi giới thương mại; - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi	4651

11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
15.	Trồng lúa	0111
16.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
17.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
18.	Trồng cây mía	0114
19.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
20.	Trồng cây lấy sợi	0116
21.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
22.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
23.	Trồng cây ăn quả	0121
24.	Trồng cây điều	0123
25.	Trồng cây hồ tiêu	0124
26.	Trồng cây cao su	0125
27.	Trồng cây cà phê	0126
28.	Trồng cây chè	0127
29.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
30.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
31.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
32.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
33.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
34.	Chăn nuôi gia cầm	0146
35.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

36.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
37.	Khai thác gỗ	0220
38.	Dịch vụ đóng gói	8292
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
40.	Giáo dục nhà trẻ Chi tiết: - Nhà trẻ tư thục; - Hoạt động nhóm trẻ độc lập;	8511
41.	Giáo dục mẫu giáo Chi tiết: Hoạt động lớp mẫu giáo độc lập	8512
42.	Giáo dục tiểu học	8521
43.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
44.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
45.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Đào tạo: hệ thống quản lý chất lượng, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý chất lượng (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
46.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động tôn giáo và các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
47.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
48.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
49.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
50.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
51.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
52.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
53.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	9312
54.	Hoạt động thể thao khác	9319
55.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
56.	Lập trình máy vi tính (Trừ sản xuất, xây dựng, phát triển, cung cấp, triển khai các sản phẩm phần mềm trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính)	6201
57.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
58.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hạ tầng viễn thông và thiết lập mạng, hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
59.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn đầu tư, lập dự án đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật)	6619

60.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: Hoạt động tư vấn và đại diện (trừ đại diện pháp lý) thay mặt khách hàng trước cơ quan thuế	6920
61.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát.	7020
62.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn chuyển giao công nghệ xây dựng; - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hóa, tuyển chọn tư vấn (không bao gồm tư vấn pháp luật); - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng;	7110
63.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Dịch vụ thử nghiệm và kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thử nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản; - Thử nghiệm phân bón; - Kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc; - Kiểm nghiệm thuốc thú ý; - Kiểm nghiệm thực phẩm; - Dịch vụ quan trắc môi trường;	7120
64.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
66.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
67.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
68.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
69.	Quảng cáo Chi tiết: Tư vấn, dịch vụ sáng tạo, sản xuất các nguyên liệu cho quảng cáo, kế hoạch truyền thông.	7310

70.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ đánh giá, chứng nhận sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý trong lĩnh vực quản lý và môi trường phù hợp tiêu chuẩn; - Giám định xây dựng; - Giám định hàng hóa: giám định về số lượng, chất lượng, bao bì, giá trị hàng hóa, xuất xứ hàng hóa, tổn thất, độ an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh, phòng dịch, kết quả thực hiện dịch vụ, phương pháp cung ứng dịch vụ và các nội dung khác theo yêu cầu của khách hàng; Giám định theo yêu cầu của cơ quan của cơ quan Nhà nước (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) - Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa;	7490
71.	Hoạt động thú y	7500
72.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
73.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
74.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
75.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
76.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
77.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
78.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
79.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
80.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
81.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: - Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản khác; - Sản xuất hoá chất hữu cơ cơ bản khác; - Sản xuất hóa chất cơ bản khác.	2011
82.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
83.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
84.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
85.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
86.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
87.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
88.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

89.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt...	2599
90.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
91.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
92.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
93.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
94.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
95.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
96.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
97.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
98.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Chi tiết: - Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm	2732
99.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
100.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
101.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
102.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa);	2790
103.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
104.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
105.	Sản xuất máy luyện kim	2823
106.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
107.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
108.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ;	4781
109.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

110.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
111.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
112.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
113.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
114.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
115.	Cơ sở lưu trú khác	5590
116.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
117.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
118.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
119.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
120.	Hoạt động viễn thông khác	6190
121.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312(Chính)
122.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
123.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
124.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Thoát nước; Xử lý nước thải.	3700
125.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
126.	Thu gom rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm)	3812
127.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
128.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: - Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế; - Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại khác	3822
129.	Tái chế phế liệu	3830
130.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
131.	Xây dựng nhà để ở	4101
132.	Xây dựng nhà không để ở	4102
133.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
134.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
135.	Xây dựng công trình điện	4221
136.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
137.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
138.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn; - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
139.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.	4299

140.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
141.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
142.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
143.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773

6. Vốn điều lệ: 800.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM THỊ THUY NHUNG	Việt Nam	Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	320.000.000	40,000	100939832	
2	VÕ TÁ TRỌNG	Việt Nam	Số nhà 22, ngõ 90, đường Trường Chinh, Phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	480.000.000	60,000	186690069	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VÕ TÁ TRỌNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *29/03/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *186690069*

Ngày cấp: *07/07/2012*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Nghệ An*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 22, ngõ 90, đường Trường Chinh, Phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phòng 1906, Tòa RI Sunshine Riverside, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 25/11/2022 đến ngày 25/12/2022

